



(Thí sinh không được sử dụng tài liệu)

Họ, tên thí sinh:..... SBD:

Cho nguyên tử khối của các nguyên tố: Na = 23; K = 39; Mg = 24; Ca = 40; Ba = 137; Al = 27; Cr = 52; Fe = 56; Cu = 64; Zn = 65; Mn = 55; Ag = 108; H = 1; C = 12; N = 14; O = 16; P = 31; S = 32; Cl = 35,5; Pb = 207; Sn = 119;

Câu 1: Thực hiện các thí nghiệm sau:

- (a) Nhiệt phân AgNO_3 . (b) Nung FeS_2 trong không khí.
(c) Nhiệt phân $\text{Cu}(\text{NO}_3)_2$. (d) Cho dung dịch CuSO_4 vào dd NH_3 (dư).
(e) Cho Fe vào dung dịch CuSO_4 . (g) Cho Zn vào dung dịch FeCl_3 (dư).
(h) Nung Ag_2S trong không khí. (i) Cho Na vào dung dịch CuSO_4 (dư).

Có bao nhiêu thí nghiệm khi kết thúc thu được kim loại ?

- A. 5. B. 3. C. 4. D. 2.

Câu 2: Bốn chất hữu cơ X, Y, Z và T có công thức $\text{C}_2\text{H}_2\text{O}_n$ ($n \geq 0$). Biết

- X, Y, Z phản ứng được với dung dịch $\text{AgNO}_3/\text{NH}_3$ trong điều kiện thích hợp.
- Z và T phản ứng được với NaOH .
- X phản ứng được với H_2O (xt Hg^{2+} , H^+ , t°)

X, Y, Z và T lần lượt là:

- A. $(\text{CHO})_2$, OHC-COOH , HOOC-COOH , $\text{CH} \equiv \text{CH}$
B. $\text{CH} \equiv \text{CH}$, $(\text{CHO})_2$, OHC-COOH , HOOC-COOH
C. OHC-COOH , HOOC-COOH , $\text{CH} \equiv \text{CH}$, $(\text{CHO})_2$
D. HOOC-COOH , $\text{CH} \equiv \text{CH}$, $(\text{CHO})_2$, OHC-COOH

Câu 3: Hỗn hợp X gồm Na và Al có tỷ lệ mol tương ứng là 2 : 1. Cho hỗn hợp X vào nước thu được dung dịch Y và thoát ra 5,6 lít H_2 (đktc). Cho 400 ml dung dịch HCl 1,0M vào dung dịch Y. Tính khối lượng kết tủa thu được ?

- A. 3,9 gam B. 2,6 gam C. 7,8 gam D. 5,2 gam

Câu 4: Cho các chất và dung dịch sau: Toluên, Stiren, Etilen, Isopren, Vinyl axetat, Etyl acrylat, Đivinyl oxalat, Fomalin, axeton, Dung dịch glucozo, Dung dịch fructozo, Dung dịch saccarozo. Số chất và dung dịch có thể làm mất màu dung dịch nước Br_2 là:

- A. 8 B. 10 C. 9 D. 11

Câu 5: Có dung dịch X gồm (NaNO_3 , KMnO_4 và H_2SO_4). Cho lần lượt từng chất sau: Fe_2O_3 , FeSO_4 , Cu, FeCl_3 , Fe_3O_4 , CuO, FeO tác dụng với dung dịch X. Số chất có phản ứng oxi hóa khử xảy ra là :

- A. 2 B. 4 C. 5 D. 3

Câu 6: Cho phản ứng: $\text{Br}_2 + \text{HCOOH} \rightarrow 2\text{HBr} + \text{CO}_2$. Cho biết nồng độ ban đầu của Br_2 là a mol/l, sau 50 giây nồng độ của Br_2 còn lại là 0,01 mol/l. Tốc độ trung bình của phản ứng trên tính theo Br_2 là $4 \cdot 10^{-5} \text{ M.s}^{-1}$. Giá trị của a là:

- A. 0,018 B. 0,014 C. 0,012 D. 0,016

Câu 7: Hỗn hợp X gồm 0,1 mol andehit metacrylic và 0,3 mol khí hidro. Nung nóng hỗn hợp X một thời gian, có mặt chất xúc tác Ni, thu được hỗn hợp hơi Y gồm hỗn hợp các ancol, các andehit và hidro. Tỷ khối hơi của Y so với He bằng 95/12. Mặt khác dẫn toàn bộ hỗn hợp Y qua dung dịch nước Br_2 thì làm mất màu vừa đủ a mol Br_2 . Giá trị của a là

- A. 0,20 mol B. 0,02 mol C. 0,16 mol D. 0,04 mol

Câu 8: Cho m gam hỗn hợp tinh thể gồm x mol NaBr, y mol NaI ($y = 8x$) tác dụng vừa đủ với H_2SO_4 đặc ở điều kiện thích hợp, thu được hỗn hợp khí X ở điều kiện thường. Ở điều kiện thích hợp hỗn hợp X tác

dụng vừa đủ với nhau tạo thành 9,6 gam chất rắn màu vàng và một chất lỏng không làm đổi màu quì tím. Giá trị của m là:

- A. 44,6 gam B. 404,8 gam C. 240 gam D. 260,6 gam

Câu 9: Cho cùng một lượng Cl_2 tác dụng hoàn toàn với kim loại R và với kim loại X thì khối lượng kim loại R tham gia phản ứng gấp 3,375 lần khối lượng của X và khối lượng muối clorua của R thu được gấp 2,126 lần khối lượng muối clorua của X. R là

- A. Fe. B. Ag. C. Cu. D. Al.

Câu 10: Hỗn hợp X gồm Al, Fe_2O_3 , Fe_3O_4 , CuO trong đó oxi chiếm 25,39% khối lượng hỗn hợp. Cho m gam hỗn hợp X tác dụng với 8,96 lít CO (điều kiện tiêu chuẩn) sau 1 thời gian thu được chất rắn Y và hỗn hợp khí Z có tỉ khối so với hiđro là 19. Cho chất rắn Y tác dụng với dung dịch HNO_3 loãng dư thu được dung dịch T và 7,168 lít NO (điều kiện tiêu chuẩn, sản phẩm khử duy nhất). Cô cạn dung dịch T thu được 3,456m gam muối khan. Giá trị của m là

- A. 41,13 B. 35,19 C. 40,03 D. 38,43

Câu 11: Nguyên tử của một nguyên tố X có tổng số hạt cơ bản là 58, trong đó số hạt mang điện nhiều hơn số hạt không mang điện là 18. Có bao nhiêu nhận xét về X là đúng trong các nhận xét sau:

- (1) Đốt cháy X cũng như hợp chất của nó trên ngọn lửa vô sắc sẽ cho ngọn lửa màu tím.
- (2) Cho X vào dung dịch AlCl_3 ta luôn thu được kết tủa.
- (3) Muối cacbonat của X có môi trường trung tính.
- (4) Nhiệt phân muối nitrat của X luôn được hỗn hợp NO_2 và O_2 .
- (5) Ở dạng hợp chất, X có luôn 1e ở lớp ngoài cùng.
- (6) Để điều chế được X có thể cho Li khử ion của X ra khỏi dung dịch muối.

- A. 2 B. 4 C. 1 D. 3

Câu 12: Đốt cháy hoàn toàn 0,25 mol hỗn hợp X có khối lượng 28,7 gam gồm Cu, Zn, Sn, Pb trong oxi dư thu được 34,3 gam chất rắn. Phần trăm khối lượng Sn trong hỗn hợp X là

- A. 40%. B. 25%. C. 41,46%. D. 26,75%.

Câu 13: Cho m gam hỗn hợp X gồm C, P, S vào dung dịch HNO_3 đặc, nóng, dư. Sau khi các phản ứng xảy ra hoàn toàn thu được hỗn hợp hai khí trong đó có 0,9 mol khí NO_2 (sản phẩm khử duy nhất) và dung dịch Y. Đem dung dịch Y tác dụng với dung dịch BaCl_2 dư thu được 4,66 gam kết tủa. Khi đốt cháy hoàn toàn m gam hỗn hợp X trong oxi dư thì thể tích khí oxi (ở đktc) đã phản ứng là

- A. 10,08 lít B. 5,6 lít. C. 4,816 lít. D. 5,04 lít.

Câu 14: Điện phân (điện cực trơ, màng ngăn) 200ml dung dịch hỗn hợp KCl 0,1M và $\text{Cu}(\text{NO}_3)_2$ 0,2M với dòng điện 5A trong thời gian 19 phút 18 giây. Thể tích khí thoát ra ở anốt trong quá trình điện phân là:

- A. 0,672 lít B. 0,448 lít C. 2,240 lít D. 0,224 lít

Câu 15: Đun nóng Toluên với dung dịch KMnO_4 tới khi hết màu tím. Thêm một lượng dư HCl đặc vào hỗn hợp sau phản ứng thấy thoát ra 4,48 lít khí (đktc). Vậy số mol HCl đã tham gia phản ứng là:

- A. 0,8 mol B. 0,9mol C. 1,0mol D. 0,7mol

Câu 16: Tripeptit mạch hở X và Dipeptit mạch hở Y đều được tạo nên từ một α -amino axit (no, mạch hở, trong phân tử chứa một nhóm $-\text{NH}_2$ và một nhóm $-\text{COOH}$). Đốt cháy hoàn toàn 0,1 mol Y thu được tổng khối lượng CO_2 và H_2O bằng 24,8 gam. Đốt cháy hoàn toàn 0,1 mol X, sản phẩm thu được cho hấp thụ vào dung dịch $\text{Ca}(\text{OH})_2$ dư, sau phản ứng khối lượng dung dịch này

- A. Giảm 27,3 gam B. giảm 23,7 gam C. giảm 37,2 gam D. Giảm 32,7 gam

Câu 17: Trộn 13,6 gam phenylaxetat với 250ml dung dịch NaOH 1M, cô cạn dung dịch sau khi phản ứng xảy ra hoàn toàn thu được m gam chất rắn. Giá trị của m là:

- A. 21,8 gam B. 10,2 gam C. 8,2 gam D. 19,8 gam

Câu 18: Hợp chất X không no mạch hở có công thức phân tử $\text{C}_5\text{H}_8\text{O}_2$, khi cho X tham gia phản ứng xà phòng hóa thu được một andehit và một muối của axit hữu cơ. Có bao nhiêu công thức cấu tạo phù hợp với X?

- A. 4 B. 5 C. 3 D. 2

Câu 19: Đốt cháy vừa hết một hỗn hợp A gồm Glucozo, Fructozo, Andehitfomic và Metylformic cần V lít O_2 (đktc). Hấp thụ toàn bộ sản phẩm cháy vào dung dịch nước vôi trong dư thấy khối lượng dung dịch sau phản ứng giảm 3,8 gam so với ban đầu. Giá trị của V là:

- A. 1,12 lít B. 3,36 lít C. 2,24 lít D. 8,512 lít

Câu 20: Cho các phát biểu sau:

- (a) Chỉ có hợp chất hữu cơ không no mới làm mất màu nước brom
- (b) Muối natri của axit fomic có khả năng tráng gương
- (c) Có thể dùng quỳ tím phân biệt 3 dung dịch: HCOOH, CH₃COONa, NaCl
- (d) Từ phenol và axit fomic có thể điều chế trực tiếp ra nhựa PPF
- (e) Dung dịch phenol trong nước làm đổi màu quỳ tím

Số nhận xét đúng là:

- A. 5 B. 4 C. 2 D. 3

Câu 21: Có thể tách SiO₂ ra khỏi hỗn hợp gồm Al₂O₃, SiO₂, Fe₂O₃ bằng cách dùng dung dịch nào sau đây:

- A. HCl. B. Ba(OH)₂. C. Na₂CO₃. D. NaOH.

Câu 22: Có 7 chất bột riêng biệt tương tự nhau bị mất nhãn: NaNO₃, BaCO₃, Na₂SO₄, K₂S, BaSO₄, MgCO₃, K₂SiO₃. Chỉ dùng thêm một dung dịch chất nào cho dưới đây có thể nhận biết được các chất trên ?

- A. AgNO₃ B. NH₃ C. HCl D. NaOH

Câu 23: Nhận xét nào sau đây sai ?

- A. Phân bón nitrophotka là hỗn hợp của hai muối K₂HPO₄ và NH₄NO₃
- B. Ở nhiệt độ cao silic tác dụng với Mg, Ca, Fe tạo thành các silixua kim loại
- C. Các khí CO, CO₂, SO₂, H₂S, oxit NO_x, CFC (cloroflorocacbon) đều là các chất gây ô nhiễm không khí
- D. Amphetamin, ancol etylic, nicotin, cafein, moocphin là những chất gây kích thích thần kinh

Câu 24: Một hh A gồm hai ancol có khối lượng 16,6g đun với dd H₂SO₄ đậm đặc thu được hỗn hợp B gồm hai olefin (đồng đẳng liên tiếp), 3 ete và hai ancol dư có khối lượng bằng 13g. Đốt cháy hoàn toàn 13g hỗn hợp B ở trên thu được 0,8 mol CO₂ và 0,9 mol H₂O. Công thức phân tử và % (theo số mol) của mỗi ancol trong hỗn hợp là:

- A. CH₃OH 50% và C₂H₅OH 50% B. C₂H₅OH 66,67% và C₃H₇OH 33,33%
- C. C₂H₅OH 50% và C₃H₇OH 50% D. C₂H₅OH 33,33% và C₃H₇OH 66,67%

Câu 25: Cho kim loại M vào dung dịch muối của kim loại X thấy có kết tủa và khí bay lên. Cho kim loại X vào dung dịch muối của kim loại Y thấy có kết tủa Y. Mặt khác, cho kim loại X vào dung dịch muối của kim loại Z, không thấy có hiện tượng gì. Điện phân dung dịch muối Z thu được Z. Cho biết sự sắp xếp nào sau đây đúng với chiều tăng dần tính kim loại của X, Y, Z, M?

- A. Y < X < Z < M B. Z < X < M < Y C. Z < X < Y < M D. Y < X < M < Z

Câu 26: Trong số các chất: phenol, ancol benzylic, ancol anlylic và axit acrylic. Có x chất tác dụng với Kali, có y chất tác dụng với dung dịch NaOH, có z chất tác dụng với dung dịch nước brom và có t chất tác dụng được với dung dịch NaHCO₃. Nhận định nào sau đây không đúng?

- A. x = 4 B. y = 2 C. z = 3 D. t = 2

Câu 27: Hòa tan hoàn toàn 19,2 gam hỗn hợp X gồm Fe, FeO, Fe₃O₄ và Fe₂O₃ trong 400 ml dung dịch HNO₃ 3M (dư) đun nóng, thu được dung dịch Y và V lít khí NO (đktc). NO là sản phẩm khử duy nhất của NO₃⁻. Cho 350 ml dung dịch NaOH 2M vào dung dịch Y thu được 21,4 gam kết tủa. Giá trị của V

- A. 5,60 lít. B. 4,48 lít. C. 3,36 lít. D. 5,04 lít.

Câu 28: Đốt cháy hoàn toàn một lượng hơi một amin bậc một đơn chức thu được 0,448 lit khí N₂(đktc). Mặt khác lượng amin ở trên tác dụng vừa đủ với 250 ml dung dịch H₂SO₄ 0,1M, thu được 4,25 gam muối. Công thức phân tử của amin đó là:

- A. C₄H₉NH₂ B. C₂H₅NH₂ C. C₃H₇NH₂ D. CH₃NH₂

Câu 29: Cho các nhận định sau:

- (1) các amin bậc 2 đều có tính bazơ mạnh hơn amin bậc 1
- (2) khi thủy phân không hoàn toàn một phân tử peptit nhờ xúc tác H⁺ thu được các peptit có mạch ngắn hơn
- (3) alanin, anilin, lysin đều không làm đổi màu quỳ tím
- (4) các aminoaxit đều có tính lưỡng tính
- (5) các hợp chất peptit, glucozo, glixerol, saccarozo đều có khả năng tạo phức với Cu(OH)₂
- (6) Aminoaxit là hợp chất hữu cơ đa chức, phân tử chứa đồng thời nhóm amino và nhóm cacboxyl.

Số nhận định không đúng là:

A. 1

B. 3

C. 2

D. 4

Câu 30: Thực hiện các thí nghiệm sau: (1) Nung NH_4NO_3 rắn; (2) Đun NaCl tinh thể với H_2SO_4 đặc; (3) Sục khí Cl_2 vào dung dịch NaHCO_3 ; (4) Cho Cr vào dung dịch NaOH đặc; (5) Sục khí SO_2 vào dung dịch KMnO_4 dư; (6) Cho dung dịch KHSO_4 vào dung dịch NaHCO_3 ; (7) Cho PbS vào dung dịch HCl loãng; (8) Cho Na_2SO_3 vào dung dịch H_2SO_4 dư, đun nóng. Số thí nghiệm sinh ra chất khí là:

A. 7

B. 6

C. 5

D. 4

Câu 31: Thủy phân hỗn hợp gồm 0,01 mol saccarozơ và x mol mantozơ trong môi trường axit, với hiệu suất đều là 60% theo mỗi chất, thu được dung dịch X. Trung hòa dung dịch X, thu được dung dịch Y, cho toàn bộ Y tác dụng với lượng dư dung dịch AgNO_3 trong NH_3 , thu được 9,504 gam Ag . Giá trị của x là:

A. 0,01

B. 0,005

C. 0,063

D. 0,02

Câu 32: Cho các chất: Al , Fe và các dung dịch: $\text{Fe}(\text{NO}_3)_2$, AgNO_3 , NaOH , HCl lần lượt tác dụng với nhau từng đôi một. Số phản ứng oxi hóa khử nhiều nhất có thể xảy ra là:

A. 9

B. 7

C. 8

D. 10

Câu 33: Nung 55,68 gam hỗn hợp gồm Fe_3O_4 và FeCO_3 ngoài không khí được 43,84 gam hỗn hợp oxit sắt và V lít khí CO_2 (đktc). Hoà tan hoàn toàn các oxit này trong dung dịch HNO_3 dư được 0,896 lit khí NO . Giá trị của V là

A. 7,168 lít

B. 10,08 lít

C. 2,333 lít

D. 6,72 lít

Câu 34: Cho 0,4 mol CO_2 phản ứng hết với 2 lít dung dịch $\text{Ca}(\text{OH})_2$ aM thu được m gam kết tủa. Mặt khác cho 0,9 mol CO_2 phản ứng hết với 2 lít dung dịch $\text{Ca}(\text{OH})_2$ a M thu được 0,75m gam kết tủa. Vậy giá trị của a là

A. 0,7M.

B. 0,2M.

C. 0,6M.

D. 0,3M.

Câu 35: Cho các phát biểu sau:

(1) Trong 3 dung dịch có cùng pH là HCOOH , HCl và H_2SO_4 thì dung dịch có nồng độ mol lớn nhất là HCOOH . ✓

(2) Phản ứng trao đổi ion luôn luôn không có sự thay đổi số oxi hóa của nguyên tố.

(3) Có thể phân biệt trực tiếp 3 dung dịch: KOH , HCl , H_2SO_4 (loãng) bằng một thuốc thử là BaCO_3 .

(4) Axit, bazơ, muối là các chất điện li.

(5) Dung dịch CH_3COONa và dung dịch $\text{C}_6\text{H}_5\text{ONa}$ (natri phenolat) đều là dung dịch có $\text{pH} > 7$.

(6) Theo thuyết điện li, SO_3 và C_6H_6 (benzen) là những chất điện li yếu.

Số phát biểu đúng là:

A. 4.

B. 2.

C. 3.

D. 5.

Câu 36: Cho 25,2 gam kim loại Mg vào 1 lít dung dịch hỗn hợp chứa Cu^{2+} 0,3M; Ag^+ 0,2M, Fe^{3+} 0,3M và Ba^{2+} 0,2M. Sau khi các phản ứng xảy ra hoàn toàn thu được a gam kim loại. Giá trị của a là:

A. 61,2 gam

B. 62,4 gam

C. 57,6 gam

D. 42,7 gam

Câu 37: Đốt hoàn toàn 11,68 gam hỗn hợp X gồm CH_3COOH ; $\text{C}_x\text{H}_y\text{COOH}$; $\text{CH}_2(\text{COOH})_2$ thu được a gam H_2O và 18,04 gam CO_2 . Nếu cho hỗn hợp X tác dụng hoàn toàn với NaHCO_3 dư thì thu được 4,256 lít CO_2 (đktc). Giá trị của a là

A. 6,12gam

B. 6,22 gam

C. 6,21 gam

D. 6,02 gam

Câu 38: "Nước đá khô" không nóng chảy mà thăng hoa nên được dùng để tạo môi trường lạnh và khô, rất phù hợp cho việc bảo quản thực phẩm. "Nước đá khô" có công thức là:

A. NH_3 (rắn)B. CO_2 (rắn)C. N_2 (rắn)D. H_2O (rắn)

Câu 39: Có hai bình điện phân (điện cực trơ, có màng ngăn) mắc nối tiếp với nhau: Bình một chứa 1 lít dung dịch CuCl_2 x mol/l, bình hai chứa 2 lít dung dịch AgNO_3 x mol/l. Tiến hành điện phân trong thời gian 50 phút với $I = 1,93\text{A}$. Trộn hai dung dịch còn lại trong hai bình sau điện phân thu được kết tủa và trong dung dịch sau khi trộn còn 0,08 mol Cl^- . Giá trị của x là:

A. 0,04

B. 0,024

C. 0,15

D. 0,03

Câu 40: Oxi hóa một ancol đơn chức bậc một bằng CuO nung nóng thu được hỗn hợp X gồm andehit, nước và ancol dư. Chia X thành hai phần bằng nhau:

- Cho phần một tác dụng với dung dịch $\text{AgNO}_3/\text{NH}_3$ dư thu được 6,48 gam Ag .

- Cho phần hai tác dụng với Na dư thu được 448 cm^3 khí H_2 (đktc).

Hiệu suất phản ứng oxi hóa ancol là:

A. 66,67%

B. 35,7%

C. 80%

D. 75%

- Câu 41:** Cho 200 gam một loại chất béo có chỉ số axit bằng 7 tác dụng vừa đủ với một lượng NaOH, thu được 207,55 gam hỗn hợp muối khan. Số mol NaOH đã tham gia phản ứng là:
 A. 0,785 mol B. 0,809 mol C. 0,775 mol D. 0,750 mol
- Câu 42:** Hidro hóa hoàn toàn hidrocacbon mạch hở X thu được butan. Số công thức cấu tạo có thể có của X là:
 A. 10 B. 8 C. 7 D. 9
- Câu 43:** Dung dịch X là $AlCl_3$ a mol/l. Dung dịch Y là $FeCl_2$ b mol/l.
 Cho 725 ml dung dịch KOH 2M vào 100ml dd X hoặc 100 ml dd Y đều thu được 35,1 gam kết tủa.
 Trộn 100ml dd X với 100 ml dd Y được 200ml dd Z. Nếu cho dung dịch $AgNO_3$ dư vào 100 ml dung dịch Z thì thu được kết tủa có khối lượng là:
 A. 249,69 gam. B. 358,5375 gam. C. 179,269 gam. D. 145,905 gam.
- Câu 44:** Hai hợp chất thơm X và Y có cùng công thức phân tử là $C_nH_{2n-8}O_2$. Biết hơi chất Y có khối lượng riêng 5,447 gam/lít (đktc). X có khả năng phản ứng với Na giải phóng H_2 và có phản ứng tráng bạc. Y phản ứng được với Na_2CO_3 giải phóng CO_2 . Tổng số công thức cấu tạo phù hợp của X và Y là:
 A. 7. B. 4. C. 6. D. 5.
- Câu 45:** Hỗn hợp X gồm 1 mol amin no mạch hở A và 2 mol aminoaxit no mạch hở B tác dụng vừa đủ với 4 mol HCl hay 4 mol NaOH. Đốt a gam hỗn hợp X cần 46,368 lít O_2 (đktc) thu được 8,064 lít khí N_2 (đktc). Nếu cho a gam hỗn hợp trên tác dụng với dung dịch HCl dư thu được bao nhiêu gam muối?
 A. 75,52 B. 89,68 C. 80,24 D. 84,96
- Câu 46:** Cho dung dịch NH_3 dư vào dung dịch hỗn hợp $AlCl_3$, $ZnCl_2$, $FeCl_2$, $FeCl_3$, $CuCl_2$, $MgCl_2$, $C_6H_5NH_3Cl$ sau khi phản ứng kết thúc có bao nhiêu chất không tan tạo thành?
 A. 4 B. 3 C. 5 D. 6
- Câu 47:** Cho các chất sau: Isopren, Stiren, Xilen, Axetilen, Cumen, Caprolactam, Xiclohexan, xenlulozo. Có bao nhiêu chất không có khả năng tham gia phản ứng trùng hợp?
 A. 2 B. 1 C. 3 D. 4
- Câu 48:** Số đồng phân mạch hở của hợp chất X có công thức phân tử C_6H_{12} tác dụng với dung dịch HCl chỉ cho một sản phẩm monoclo duy nhất là:
 A. 3 B. 4 C. 2 D. 1
- Câu 49:** Loại phân bón hóa học có tác dụng kích cây cối sinh trưởng, ra nhiều lá, nhiều hoa và phù hợp với các loại đất phèn là:
 A. $Ca(H_2PO_4)_2$. B. $Ca(NO_3)_2$. C. KCl. D. NH_4NO_3 .
- Câu 50:** Hỗn hợp X gồm vinyl axetat, metyl axetat và etyl fomat. Đốt cháy hoàn toàn 3,08 gam X, thu được 2,16 gam H_2O . Phần trăm số mol của vinyl axetat trong X là:
 A. 75%. B. 27,92%. C. 25%. D. 72,08%.

----- HẾT -----



ĐÁP ÁN ĐỀ THI THỬ ĐH MÔN HÓA LẦN I (22/12/2013)

132	1	B	209	1	B	485	1	B
132	2	B	209	2	D	485	2	B
132	3	B	209	3	B	485	3	B
132	4	B	209	4	A	485	4	A
132	5	A	209	5	C	485	5	C
132	6	C	209	6	A	485	6	C
132	7	D	209	7	D	485	7	D
132	8	A	209	8	B	485	8	D
132	9	A	209	9	A	485	9	B
132	10	B	209	10	D	485	10	D
132	11	C	209	11	A	485	11	C
132	12	D	209	12	B	485	12	C
132	13	D	209	13	C	485	13	C
132	14	D	209	14	D	485	14	B
132	15	A	209	15	A	485	15	C
132	16	D	209	16	A	485	16	B
132	17	C	209	17	D	485	17	A
132	18	C	209	18	D	485	18	A
132	19	D	209	19	C	485	19	C
132	20	D	209	20	D	485	20	C
132	21	C	209	21	D	485	21	A
132	22	C	209	22	B	485	22	C
132	23	D	209	23	C	485	23	A
132	24	C	209	24	C	485	24	D
132	25	A	209	25	B	485	25	A
132	26	D	209	26	B	485	26	D
132	27	C	209	27	B	485	27	B
132	28	D	209	28	C	485	28	B
132	29	A	209	29	B	485	29	D
132	30	B	209	30	A	485	30	C
132	31	A	209	31	C	485	31	D
132	32	B	209	32	B	485	32	A

132	33	A	209	33	B	357	33	A	485	33	A	✓
132	34	C	209	34	A	357	34	A	485	34	D	✓
132	35	D	209	35	A	357	35	D	485	35	A	
132	36	A	209	36	D	357	36	B	485	36	B	
132	37	A	209	37	C	357	37	A	485	37	A	
132	38	C	209	38	D	357	38	A	485	38	B	✓
132	39	D	209	39	A	357	39	B	485	39	A	
132	40	D	209	40	B	357	40	C	485	40	D	✓
132	41	C	209	41	C	357	41	D	485	41	C	
132	42	B	209	42	D	357	42	C	485	42	D	
132	43	B	209	43	C	357	43	D	485	43	C	
132	44	B	209	44	D	357	44	C	485	44	B	
132	45	B	209	45	A	357	45	B	485	45	D	
132	46	A	209	46	B	357	46	D	485	46	C	✓
132	47	B	209	47	C	357	47	A	485	47	D	✓
132	48	B	209	48	A	357	48	B	485	48	A	
132	49	A	209	49	D	357	49	B	485	49	B	
132	50	C	209	50	C	357	50	B	485	50	C	